

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2024
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Điền.

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm: 1999 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tây N, sinh năm: 1997 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-3-2024, bản tự khai ngày 11-4-2024, biên bản lấy lời khai ngày 25-4-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Tây N đi đến hôn nhân qua mai mối, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 26-3-2022. Nữ trang cưới có 07 chỉ vàng 24K (Gồm 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, 01 tấm lắc) và bộ vòng đeo tay 04 chỉ vàng 18K, do chị đã bán để nuôi con nên hiện không còn. Sau ngày cưới, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến tháng 3 năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu

thuần, do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, không còn quan tâm, tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên đã tự sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được. Nên chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn Tây N.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Tây N có 01 người con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 05-3-2023. Khi ly hôn, theo đơn khởi kiện chị yêu cầu được quyền nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị tự nguyện rút lại không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nữa, vì suốt thời gian dài sống ly thân với anh N, chị vẫn đủ khả năng để nuôi tốt con chung.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Chị xác định ngoài những giấy tờ đã nộp kèm đơn khởi kiện, thì chị không nộp thêm chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Chị cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại bản tự khai ngày 11-4-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Tây N trình bày:

Anh thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kiều T về tình trạng hôn nhân của vợ chồng là qua mai mối quen biết nhau, làm lễ cưới vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P. Nữ trang ngày cưới theo chị T trình bày nhưng anh xác định hiện vẫn còn và do chị T đang quản lý. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng một năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi mọi việc trong gia đình, nên đã tự sống ly thân nhau một năm nay mà không hàn gắn lại được. Nay chị T xin ly hôn, thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: là Nguyễn Đức H, sinh ngày 05-3-2023, hiện đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn, do còn còn nhỏ, nên anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con mà sẽ tự hỗ trợ lo cho con. Vì anh cho rằng toàn bộ nữ trang cưới chị T đang quản lý, còn tiền bạc làm ra trong thời kỳ hôn nhân thì chị T đều sử dụng hết; Hiện nay anh không có công việc làm ổn định, nên không khả năng cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo yêu cầu của chị T. Nếu chị T không nuôi con nổi thì giao con lại cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ngoài nữ trang cưới, anh và chị T không tạo lập tài sản chung nào khác. Nếu chị T yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh sẽ khởi kiện yêu cầu chia vàng nữ trang cưới với chị T, trừ 01 chỉ vàng 24K của đôi bông tai, còn lại bao nhiêu vàng anh yêu cầu chia đôi.

Nợ chung phải thu, phải trả: Anh thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh thống nhất với các chứng cứ chị T đã nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho anh được biết. Riêng anh không nộp chứng cứ gì để Tòa án xem xét, cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị T và bị đơn anh N đều vắng mặt, nên không có lời trình bày thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T với anh Nguyễn Văn Tây N; Về con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 05-3-2023 giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không tiếp tục yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung: Chị T và anh N không tranh chấp, không yêu cầu, nên không xem xét; Về nợ chung: Chị T và anh N cùng xác định không có, nên không xem xét. Ngoài ra, V đề nghị các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Kiều T là nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn Tây N là bị đơn, vào ngày 29-5-2024 được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh N vắng mặt không lý do; Ngày 06-6-2024, Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với anh N đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh N vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Tây N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 26-3-2022, nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được đến tháng 3 năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến anh chị tự ý sống ly thân từ đó cho đến hôm nay mà không hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”, nhưng chị T và anh N đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, anh chị mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, bỏ mặc nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Tại phiên hòa giải ngày 11-4-2024, chị T và anh N có mặt tại Tòa án và thống nhất thuận tình ly hôn, thống nhất giao con chung cho chị T giữ quyền nuôi dưỡng, nhưng chị T giữ nguyên yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, còn anh N cương quyết không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mà ý kiến chị T nuôi con không được thì giao con lại cho anh nuôi. Nên kết quả hòa giải không thành. Kết thúc phiên hòa giải, Tòa án tiếp tục mời hai đương sự đến hòa giải đoàn tụ, giải quyết các tranh chấp liên quan trong vụ án, nhưng anh N vắng mặt không lý do.

[5] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng chị T, anh N đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nên chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Tây N thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Tây N thống nhất xác định có một người con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 05-3-2023, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền nuôi con và anh N cũng thống nhất. Nay chị T tự nguyện rút phần yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Nên cần giao con chung cho chị T được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và đình chỉ phần yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[7] *Về tài sản chung*: Đối với chị Nguyễn Thị Kiều T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Đối với anh Nguyễn Văn Tây N quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án giải thích quy định pháp luật tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và thông báo giao nộp chứng cứ về việc có tranh chấp nữ trang cưới với chị T thì anh N phải làm đơn khởi kiện, nộp chứng cứ chứng minh và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật, mới có cơ sở để Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu của anh. Nhưng cho đến ngày Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thì anh N vẫn không làm

đơn khởi kiện mà còn vắng mặt không lý do tại phiên họp, nên Tòa án không có cơ sở xem xét giải quyết phần yêu cầu này của anh N.

[8] *Về nợ chung*: Do chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Tây N cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Do chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Tây N đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn, nên anh chị chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định).

[10] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Mục 11 Phần IV về tố tụng dân sự Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02-8-2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong xét xử.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Tây N tự nguyện thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 05-3-2023 cho chị Nguyễn Thị Kiều T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đình chỉ phần yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều T đối với anh Nguyễn Văn Tây N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Tây N chưa yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Tây N thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ anh chị, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0002341 ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long. Hoàn trả lại cho chị T 225.000 đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Anh Nguyễn Văn Tây N phải chịu án phí là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Phương Thạnh;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo